

VAI TRÒ CỦA CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI-NGHỀ NGHIỆP ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ SAU 30 NĂM ĐỔI MỚI

Hồ Quế Hậu*

Ngày nhận: 7/01/2014

Ngày nhận bản sửa: 18/02/2014

Ngày duyệt đăng: 12/9/2014

Kể từ khi Đảng ta đề ra và thực hiện chủ trương đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng nhà nước pháp quyền, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở nước ta đã có bước phát triển mạnh mẽ cả về số lượng và quy mô tổ chức; tham gia ngày càng tích cực, có hiệu quả vào công cuộc phát triển kinh tế đất nước sau 30 năm đổi mới trên cả bốn chức năng: Cầu nối- dịch vụ- liên kết và đối ngoại. Tuy nhiên vấn đề đặt ra là phải phát huy đúng mức tính dân chủ để khắc phục bệnh hình thức và xu hướng hành chính hóa trong tổ chức và hoạt động. Bài viết nêu ra thực trạng về vai trò của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở nước ta đối với sự phát triển kinh tế đất nước sau 30 năm đổi mới và đề xuất một số giải pháp chủ yếu để tiếp tục phát huy vai trò của các tổ chức đó trong thời gian tới.

Từ khóa: Hội, kinh tế, tổ chức, tổ chức xã hội - nghề nghiệp

1. Giới thiệu

Tổ chức xã hội- nghề nghiệp được hiểu là tổ chức tự nguyện của công dân, tổ chức cùng ngành nghề, có chung mục đích tập hợp, đoàn kết hội viên, hoạt động thường xuyên, không vụ lợi nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên; hỗ trợ nhau hoạt động có hiệu quả, góp phần vào việc phát triển kinh tế- xã hội của đất nước (Chính phủ, 2010).

Trong hệ thống chính trị của nước ta, tổ chức xã hội nghề nghiệp là một bộ phận trong khối các tổ chức đoàn thể chính trị- xã hội, tổ chức chính trị xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội- nghề nghiệp và tổ chức xã hội, là những tổ chức đại diện cho quyền làm chủ của nhân dân trong thể chế “Đảng lãnh đạo, nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”. Ở một góc nhìn khác tổ chức xã hội nghề nghiệp là một bộ phận cấu thành các tổ chức xã hội dân sự, cùng với nhà nước và thị trường vừa hỗ trợ, vừa chế ước lẫn nhau tạo thành ba trụ cột vận hành mọi lĩnh vực kinh tế- xã hội quốc gia.

Xét trên giác độ tham gia hình thành các yếu tố

phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, các tổ chức xã hội- nghề nghiệp có vai trò: (i) Cầu nối giữa doanh nghiệp, người lao động, nhà chuyên môn với nhà nước trong việc tham gia xây dựng và tổ chức thực hiện môi trường pháp luật và chính sách phù hợp với lợi ích của hội viên và với sự phát triển kinh tế đất nước; (ii) Thông qua hoạt động cung cấp hàng hóa dịch vụ để định hướng, dẫn dắt, hỗ trợ doanh nghiệp và người lao động chuyên môn nâng cao năng lực hoạt động phù hợp với yêu cầu của thị trường, pháp luật và sự phát triển của nền kinh tế đất nước; (iii) Thông qua hoạt động liên kết, hợp tác giữa các hội viên hoặc thực hiện sự ủy nhiệm của nhà nước để tham gia quản lý, điều tiết hoạt động nghề nghiệp của các hội viên nhằm khắc phục những bất cập của thị trường, ổn định và nâng cao hiệu quả hoạt động của các hội viên và cả nền kinh tế; (iv) Phát triển các hoạt động hợp tác quốc tế trên lĩnh vực nghề nghiệp góp phần phát triển kinh tế đối ngoại.

Mặc dù có vai trò quan trọng như vậy, nhưng

trong thời gian qua việc nghiên cứu tổng kết lý luận và thực tiễn về sự đóng góp của các tổ chức xã hội-nghề nghiệp đối với sự phát triển của kinh tế nước ta chưa nhiều và thường chỉ được xem là vấn đề chính trị hơn là một vấn đề kinh tế. Với hướng tiếp cận xem xét ý nghĩa kinh tế của hoạt động của tổ chức xã hội- nghề nghiệp, bài viết này đã sử dụng phương pháp tổng hợp, phân tích thông tin thứ cấp theo khung lý thuyết về bốn chức năng chủ yếu của tổ chức xã hội nghề nghiệp đối với phát triển kinh tế: Cầu nối- dịch vụ- liên kết và đối ngoại để góp phần làm sáng tỏ thêm thực trạng về vai trò của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở nước ta đối với sự phát triển kinh tế đất nước sau 30 năm đổi mới và đề xuất một số giải pháp chủ yếu để tiếp tục phát huy vai trò đó trong thời gian tới.

2. Thực trạng về vai trò của các tổ chức xã hội-nghề nghiệp trong phát triển kinh tế sau 30 năm đổi mới

2.1. Quá trình phát triển nhận thức của Đảng ta và chính sách của Nhà nước về vai trò của các tổ chức xã hội-nghề nghiệp trong phát triển kinh tế

Công cuộc đổi mới kinh tế của nước ta chính thức khởi sự từ 1986, thực hiện quá trình chuyển đổi từ kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu bao cấp sang nền sản xuất hàng hóa nhiều thành phần, đòi hỏi phải phát huy cao độ vai trò làm chủ của quần chúng nhân dân thông qua các tổ chức đoàn thể của mình tham gia vào công cuộc đổi mới kinh tế. Trong bối cảnh đó lần đầu tiên nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VI đã đề ra phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. Nghị quyết số 08B-NQ/HNTW, ngày 27/3/1990 Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VI) về đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân lần đầu tiên đã khẳng định “động lực thúc đẩy phong trào quần chúng là đáp ứng lợi ích thiết thực của nhân dân và kết hợp hài hoà các lợi ích, thống nhất quyền lợi với nghĩa vụ công dân” và cho rằng “các hình thức tập hợp nhân dân phải đa dạng”. Theo hướng đó, nghị quyết đã chủ trương xây dựng “Các hội nghề nghiệp, nhân đạo, hữu nghị... là những tổ chức tự nguyện của quần chúng trong từng ngành nghề, từng mặt đời sống mang tính chất chính trị - xã hội với những mức độ khác nhau, được thành lập theo luật định... Trong tổ chức và hoạt động, các đoàn thể và tổ chức quần chúng thực hiện nguyên tắc tự quản, tự lựa chọn cán bộ của mình”.

Nghị quyết đại hội Đảng lần thứ VII (1991) đã đề ra chủ trương “Đổi mới kiện toàn hệ thống chính trị theo cơ chế Đảng lãnh đạo, nhà nước quản lý, nhân

dân làm chủ”. Trên cơ sở đó đề ra chủ trương “Trong điều kiện cơ cấu kinh tế, cơ chế quản lý kinh tế đã thay đổi, hình thức tổ chức và sinh hoạt của các đoàn thể quần chúng phải đổi mới, linh hoạt và đa dạng thu hút ngày càng đông các tầng lớp nhân dân, đáp ứng nhu cầu về nghề nghiệp và đời sống”.

Nghị quyết đại hội Đảng lần thứ VIII (1996) lần đầu tiên đã đưa ra khái niệm “dân chủ” và xác định “Đảng và Nhà nước tiếp tục đổi mới phong cách bảo đảm dân chủ trong quá trình chuẩn bị ra quyết định và thực hiện các quyết định... Thực hiện thành nề nếp việc Đảng và Nhà nước cùng bàn bạc và tham khảo ý kiến của Mặt trận về những quyết định, chủ trương lớn”. Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX số 23-NQ/TW, ngày 12 tháng 3 năm 2003 về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh” đã nêu ra yêu cầu “Sớm ban hành luật về hội quần chúng” nhằm tạo ra cơ sở pháp lý để “Mở rộng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Đa dạng hoá các hình thức tập hợp nhân dân. Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng hoạt động của các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội nghề nghiệp, các tổ chức xã hội và các tổ chức nhân dân”

Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24 tháng 5 năm 2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 chỉ rõ “Có cơ chế thu hút các hiệp hội, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các chuyên gia giỏi tham gia vào việc nghiên cứu, đánh giá nhu cầu, hoạch định chính sách pháp luật, soạn thảo, thẩm định, thẩm tra các dự thảo văn bản pháp luật. Xác định cơ chế phân biện xã hội và tiếp thu ý kiến của các tầng lớp nhân dân đối với các dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.”

Để thực hiện chủ trương của Đảng, Thủ tướng chính phủ đã ban hành quyết định số: 22/2002/QĐ-TTg ngày 30 tháng 01 năm 2002 về “hoạt động tư vấn, phân biện và giám định xã hội của Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật Việt Nam”. Tiếp theo đó Chính phủ đã ban hành nghị định số 88/2003/NĐ-CP ngày 30 tháng 07 năm 2003 quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý Hội.

Nghị quyết đại hội Đảng lần thứ X (2006) đã đưa ra vấn đề “Phân biện xã hội” và đã chủ trương “Nhà nước ban hành cơ chế để Mặt trận và các đoàn thể nhân dân thực hiện tốt vai trò giám sát và phân biện xã hội”. Thủ tướng chính phủ đã ban hành quyết định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.

Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 3/6/2013 Hội nghị Trung ương 7 khóa XI về tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới đã tiếp tục khẳng định chủ trương “Phát triển các tổ chức quần chúng theo nguyên tắc tự nguyện, tự quản và tự trang trải, tạo môi trường và điều kiện để nhân dân phát huy sức lực, trí tuệ sáng tạo theo nguyện vọng trên cơ sở pháp luật”.

Tóm lại, quá trình phát triển nhận thức của Đảng ta và chính sách của nhà nước về các tổ chức xã hội-nghề nghiệp cho thấy vị trí vai trò của các tổ chức xã hội-nghề nghiệp đã không ngừng được nâng cao về quan điểm, nhận thức và bước đầu đã có khuôn khổ pháp lý rõ ràng. Quá trình đó phản ánh hai nhân tố tác động rõ rệt nhất, đó là: nhu cầu dân chủ hóa và thị trường hóa nền kinh tế-xã hội ở nước ta.

2.2. Những kết quả và tiến bộ đạt được về phát huy vai trò của các tổ chức xã hội- nghề nghiệp trong phát triển kinh tế

Thực hiện những chủ trương của Đảng và chính sách của nhà nước về phát huy vai trò của các tổ chức xã hội- nghề nghiệp trong sự phát triển kinh tế-xã hội đã tạo nên sự phát triển mạnh mẽ chưa từng có về số lượng và qui mô của các tổ chức xã hội-nghề nghiệp. Nếu như trong hơn 50 năm từ năm 1945 đến 1998 chỉ có 192 hội có phạm vi hoạt động trên phạm vi toàn quốc, thì đến năm 2008 cả nước có 320 hội có phạm vi hoạt động trên toàn quốc. Ở các địa phương cũng có tới hàng ngàn hội hoạt động trên lĩnh vực khác nhau với những loại hình và tên gọi khác nhau (Nguyễn Phước Thọ, 2008). Trong số các tổ chức xã hội- nghề nghiệp có các tổ chức có qui mô lớn và vai trò nổi bật như: Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam, Liên minh các hợp tác xã Việt Nam, Liên hiệp các hội khoa học- kỹ thuật Việt Nam. Một số hiệp hội ngành hàng có hoạt động có hiệu quả cao như: Hiệp hội mía đường, Hiệp hội chè, hiệp hội dệt may, hiệp hội lương thực, hiệp hội thủy sản... Một số hội nghề nghiệp tuy mới thành lập nhưng mang tính chuyên môn sâu tiêu biểu cho xã hội hiện đại như: Hiệp hội Internet, Hiệp hội bảo vệ người tiêu dùng, hiệp hội sinh vật cảnh, hội bảo vệ môi trường... Nhìn chung các tổ chức xã hội-nghề nghiệp có mặt trên tất cả các lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp kinh tế- văn hóa- giáo dục- khoa học kỹ thuật, xã hội và môi trường. Từ lực lượng đông đảo và đa dạng của mình các tổ chức xã hội-nghề nghiệp đã bước đầu phát huy được vai trò trong sự phát triển kinh tế đất nước.

Một là: Các tổ chức xã hội nghề nghiệp đã có nhiều tiến bộ trong việc thực hiện vai trò cầu nối

giữa doanh nghiệp, người lao động, nhà chuyên môn với Nhà nước trong việc tham gia xây dựng và tổ chức thực hiện môi trường pháp luật và chính sách phù hợp với lợi ích của hội viên và với sự phát triển kinh tế đất nước.

Các tổ chức xã hội - nghề nghiệp thường được mời tham gia hoặc chủ động tổ chức các cuộc hội thảo, tọa đàm để tập hợp ý kiến tham gia vào công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật đối với các dự án luật quan trọng. Chẳng hạn, khi soạn thảo Luật Xây dựng, Ban Soạn thảo không chỉ lấy ý kiến đóng góp của các cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương và địa phương, của các đối tượng trực tiếp chịu sự điều chỉnh của văn bản, mà còn tổ chức lấy ý kiến tham gia rộng rãi của các hiệp hội như Tổng hội Xây dựng Việt Nam, Hội Kiến trúc sư Việt Nam, Hội Quy hoạch Phát triển đô thị Việt Nam, Hội Kết cấu Việt Nam, Hội Quy hoạch đô thị Việt Nam, Hội Tư vấn đô thị Việt Nam, Hiệp hội nhà thầu xây dựng Việt Nam... (Nguyễn Phước Thọ, 2008).

Một số tổ chức xã hội-nghề nghiệp như: Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Liên minh hợp tác xã Việt Nam được mời tham gia làm thành viên của nhiều Ban soạn thảo luật Doanh nghiệp, luật hợp tác xã, luật lao động. Hiệp hội mía đường là thành viên của Tổ Điều hành thị trường trong nước của Chính phủ, phản ánh với Tổ đề tổng hợp báo cáo Chính phủ tình hình sản xuất, tiêu thụ mía đường và những kiến nghị của Hiệp hội với Chính phủ và các Bộ ngành hữu quan nhằm góp phần ổn định tình hình thị trường, bảo vệ lợi ích của các nhà máy đường, người trồng mía và người tiêu dùng.

Các tổ chức xã hội-nghề nghiệp còn thực hiện giám sát văn bản quy phạm pháp luật nhằm phát hiện những bất hợp lý để kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền nghiên cứu, có những sửa đổi, bổ sung cần thiết. Chẳng hạn như Hiệp hội thuốc lá Việt Nam đề xuất với chính phủ cơ chế thí điểm huy động kinh phí hỗ trợ công tác phòng, chống buôn lậu thuốc lá điều và sản xuất, buôn bán thuốc lá giả.

Đáng chú ý là Liên hiệp Hội khoa học-kỹ thuật Việt Nam và các hội thành viên từ trung ương đến địa phương là tổ chức tư vấn đáng tin cậy của lãnh đạo Đảng và chính quyền các cấp và đã có một số hoạt động nổi bật như: Tư vấn, phản biện Dự án thủy điện Sơn La; dự án đường Hồ Chí Minh, chương trình xây dựng nhà máy điện hạt nhân; đánh giá hiệu quả chương trình khai thác bauxit tại Tây Nguyên; Luật thủ đô; dự án “đường sắt cao tốc Bắc – Nam”; đề án “Quy hoạch thủ đô đến năm 2030 tầm nhìn 2050”; đánh giá sự cố thủy điện Sông Tranh 2,... (Vusta, 2013)

Theo kết quả điều tra của khối các hiệp hội ngành hàng nông sản năm 2008, có 68% ý kiến nhận định hiệp hội đã thực hiện được vai trò cầu nối giữa doanh nghiệp và Nhà nước, 72% ý kiến cho rằng hiệp hội đã bảo vệ được lợi ích chính đáng của hội viên (Nguyễn Đình Long, 2008).

Hai là: Các tổ chức xã hội-nghề nghiệp đã có nhiều thành tựu rõ nét trong việc cung cấp hàng hóa dịch vụ để qua đó định hướng, dẫn dắt, hỗ trợ doanh nghiệp và người lao động chuyên môn nâng cao năng lực hoạt động phù hợp với yêu cầu của thị trường, pháp luật và sự phát triển của nền kinh tế đất nước.

Các hoạt động cung cấp hàng hóa dịch vụ mà các tổ chức xã hội-nghề nghiệp thường cung cấp cho hội viên là: cung cấp thông tin về pháp luật, thị trường, khoa học công nghệ thông qua các thông tin điện tử, hội thảo, tọa đàm, tờ tin, báo, tạp chí; hoạt động đào tạo, tư vấn; hoạt động xúc tiến thương mại, đầu tư...

Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP) cung cấp thông tin thương mại kịp thời cho hội viên thông qua việc phát hành đều đặn Bản tin Thương mại Thủy sản hàng tuần, Tạp chí Thương mại Thủy sản hàng tháng, Báo cáo Xuất khẩu Thủy sản hàng quý và cập nhật thông tin trên cổng thông tin điện tử của Hiệp hội, phối hợp với các cơ quan nhà nước hữu quan và đối tác, tổ chức các hội nghị, hội thảo trong nước bàn các biện pháp hữu hiệu để kiểm soát chất lượng, tạo nguồn nguyên liệu, tăng cường sản xuất và xuất khẩu, tổ chức Hội chợ quốc tế Thủy sản VIETFISH trong nước hàng năm.

Phòng công nghiệp và thương mại Việt Nam (VCCI) và các hiệp hội như: Hiệp hội điều Việt Nam (VINACAS), Hiệp hội cà phê-ca-cao Việt Nam (VICOFA)... hàng năm đều có chương trình đào tạo, tập huấn kỹ năng nghiệp vụ hoạt động và quản lý cho các hội viên.

Theo kết quả điều tra của khối các hiệp hội ngành hàng nông sản năm 2008, có 64% ý kiến cho rằng hiệp hội đã thực hiện khá tốt việc giúp doanh nghiệp trao đổi thông tin, tìm hiểu thị trường và kinh nghiệm quản lý kinh doanh (Nguyễn Đình Long, 2008).

Ba là: Các tổ chức xã hội- nghề nghiệp đã bước đầu có hoạt động liên kết, hợp tác giữa các hội viên hoặc thực hiện sự ủy nhiệm của Nhà nước để tham gia quản lý, điều tiết hoạt động nghề nghiệp của các hội viên nhằm khắc phục những bất cập của thị trường, ổn định và nâng cao hiệu quả hoạt động của các hội viên và cả nền kinh tế

Hiệp hội mía đường Việt Nam (VSSA) khuyến

cáo các công ty thành viên phải chủ động chăm lo phát triển vùng mía và nghiêm túc thực hiện Quy chế Phối hợp trong tiêu thụ mía và đường. Hiệp hội thường xuyên khuyến cáo các công ty sản xuất và kinh doanh đường không găm hàng tạo sốt giá, gây thiệt hại cho người tiêu dùng, đồng thời không bán tháo làm giá đường giảm mạnh gây thiệt hại chung cho các doanh nghiệp. Hiệp hội đã vận động các Công ty thương mại thành viên Hiệp hội hỗ trợ cho vay vốn với lãi suất hợp lý và không mua “đường non” thiệt hại cho các nhà sản xuất.

Hiệp hội Lương thực Việt Nam (VFA) hướng dẫn giá các loại gạo xuất khẩu nhằm bảo đảm tiêu thụ lúa với giá hợp lý, có lợi cho người sản xuất và kinh doanh đạt hiệu quả, tránh cạnh tranh không lành mạnh dẫn đến khách hàng ép giá. Tổ chức thực hiện việc đăng ký, thống kê xuất nhập khẩu theo yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước đối với ngành hàng theo quy định của pháp luật.

Phòng công nghiệp và thương mại Việt Nam (VCCI) được giao quyền cấp giấy chứng nhận xuất xứ cho hàng hoá xuất khẩu của Việt Nam và chứng thực các chứng từ cần thiết khác trong kinh doanh; xác nhận các trường hợp bất khả kháng;

Từ năm 2005, Bộ Tài chính đã chuyển giao cho Hội kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA) chức năng quản lý hành nghề, tổ chức đào tạo, cập nhật kiến thức cho kiểm toán viên, tham gia tổ chức thi kiểm toán viên và thực hiện kiểm soát chất lượng dịch vụ của Hội viên (Trần Văn Tá, 2013).

Bốn là: Các tổ chức xã hội-nghề nghiệp đã có vai trò đáng kể trong các hoạt động hợp tác quốc tế trên lĩnh vực nghề nghiệp góp phần phát triển kinh tế đối ngoại.

Các tổ chức xã hội-nghề nghiệp thường tham gia làm thành viên của các tổ chức quốc tế ngành nghề tương ứng, thực hiện thường xuyên các hoạt động xúc tiến thương mại ở nước ngoài thông qua các hình thức như: tham quan học tập kinh nghiệm, hội thảo quốc tế, tham gia triển lãm, hội chợ để quảng bá thương hiệu và tham gia xử lý các vụ kiện, tranh chấp thương mại.

Hiệp hội hồ tiêu Việt Nam (VPA) trong 3 năm 2006-2008 đã tổ chức thành công 3 đoàn đi khảo sát thị trường xuất khẩu ở Mỹ, Trung Quốc và Trung Đông. Hiệp hội điều Việt Nam (VINACAS) trong năm 2006 đã tổ chức đoàn tham gia hội thảo ở Trung Quốc về đề tài “bao bì và chất lượng sản phẩm”. Hiệp hội cà phê-ca-cao Việt Nam (VICOFA) trong 2 năm 2005-2006 đã tổ chức cho các doanh nghiệp thành viên tham gia hội chợ- triển lãm tại Ba Lan, Trung Quốc, Đài Loan. Hiệp hội Lương

thực Việt Nam (VFA) trong 2 năm 2004-2005 đã tổ chức và chỉ đạo tốt việc tham dự thầu xuất khẩu gạo tại Philippines đạt kết quả tốt với 2,5 triệu tấn trúng thầu (Nguyễn Đình Long, 2008). Đáng chú ý là Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP) đã đóng vai trò chủ động và tích cực tham gia xử lý các vụ tranh chấp thương mại về tôm và cá da trơn xuất khẩu của Việt Nam tại Hoa Kỳ.

Tóm lại, các tổ chức xã hội-nghề nghiệp đã từng bước có sự chuyển biến rõ rệt trong việc phát huy vai trò của mình trong phát triển kinh tế sau 30 năm đổi mới trên cả 4 chức năng: Cầu nối- dịch vụ- liên kết và đối ngoại. Trong đó hai lĩnh vực có sự thay đổi rõ nhất là việc thực thi vai trò tham gia xây dựng và thực hiện môi trường pháp lý, chính sách và hoạt động cung cấp hàng hóa, dịch vụ hỗ trợ, nâng cao năng lực hoạt động của các thành viên.

2.3. Những hạn chế tồn tại

Tuy đã có những tiến bộ bước đầu trong việc phát huy vai trò của mình trong phát triển kinh tế, nhưng nhìn chung, hoạt động của các tổ chức xã hội-nghề nghiệp còn nhiều bất cập so với yêu cầu đặt ra của sự phát triển nhanh chóng đất nước và so với tiêu chuẩn chung của quốc tế.

Một là: vai trò cầu nối giữa doanh nghiệp, người lao động, nhà chuyên môn với Nhà nước trong việc tham gia xây dựng và tổ chức thực hiện môi trường pháp luật và chính sách của các tổ chức xã hội-nghề nghiệp chưa thật tích cực, chủ động và hiệu quả.

Các tổ chức xã hội- nghề nghiệp chưa coi hoạt động này như là một nhu cầu tất yếu, một phương thức cơ bản cho tồn tại và phát triển của tổ chức trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường và xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Các hội chỉ mới quan tâm đến những vấn đề chung của ngành nghề mà chưa thực hiện được việc kiến nghị các cơ quan nhà nước xử lý, giải quyết những vụ việc cụ thể của từng hội viên. Mặt khác, các kiến nghị của các hội thường không được các cơ quan nhà nước quan tâm giải quyết kịp thời, thiếu cơ chế đồn bầy gây áp lực một cách hữu hiệu cho nên những kiến nghị đó nhiều khi trở thành “vô thưởng vô phạt”, nhiều khi trở thành “đánh vào chỗ không”, chưa được trân trọng và ghi nhận, ít có giá trị trên thực tế.

Hai là: Hoạt động cung cấp hàng hóa dịch vụ để qua đó định hướng, dẫn dắt, hỗ trợ doanh nghiệp và người lao động chuyên môn nâng cao năng lực hoạt động của các tổ chức xã hội- nghề nghiệp còn đơn giản, nghèo nàn, chất lượng chưa cao, chưa tạo được động lực để hội viên gắn bó với hội.

Các hoạt động dịch vụ của các tổ chức xã hội-nghề nghiệp thường là cung cấp thông tin thị trường, tư vấn kinh doanh, xuất bản ấn phẩm, đào tạo, tổ chức đoàn đi khảo sát thị trường... Dịch vụ thông tin còn nghèo nàn, chủ yếu tin chưa có phân tích và dự báo, công tác đào tạo chưa thường xuyên và thiếu chuyên nghiệp. Một vài hiệp hội ngành hàng có thực hiện dịch vụ giới thiệu khách hàng cho hội viên, nhưng khả năng thành công rất thấp.

Ba là: Vai trò của tổ chức xã hội-nghề nghiệp trong việc liên kết các hội viên, thống nhất, điều tiết hành động để khắc phục các bất cập của thị trường còn rất mờ nhạt, tình trạng mạnh ai nấy làm là phổ biến.

Các Hội chưa sẵn sàng và chưa có đủ năng lực đối mặt với những vấn đề của thị trường. Chẳng hạn như hiệp hội điều Việt Nam phải bãi bỏ điều khoản trong điều lệ của hiệp hội về quyền thống nhất khung giá mua hạt điều thô của nông dân và giá nhân xuất khẩu chỉ vì các qui định thống nhất đó không được các hội viên chấp hành. Theo kết quả điều tra của khối các hiệp hội ngành hàng nông sản năm 2008, có đến 2/3 số hội viên cho rằng hiệp hội chưa thực hiện được vai trò của mình trong việc hòa giải các tranh chấp nội bộ hội viên (Nguyễn Đình Long, 2008).

2.4. Nguyên nhân của những hạn chế tồn tại

Một là: Nhận thức về vai trò của tổ chức xã hội-nghề nghiệp chưa đúng mức, tính phi chính phủ, tính độc lập của hội chưa rõ nét, thực chất các hội vẫn chỉ được xem như là “một cánh tay nối dài của Nhà nước” “một công cụ tuyên truyền vận động thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước”. Về phía hội viên, chỉ một số ít các hội viên tìm thấy cơ hội quan hệ hợp tác kinh doanh, hoạt động nghề nghiệp thông qua sinh hoạt, giao lưu tiếp xúc với hội viên khác trong hội, còn nhiều người chỉ tham gia hội theo phong trào, coi hội như một câu lạc bộ giao lưu vui vẻ hơn là nhìn thấy quyền lợi và trách nhiệm của mình.

Hai là: Nội dung và phương thức hoạt động của các tổ chức xã hội-nghề nghiệp chưa tương xứng với vị trí, vai trò mới của tổ chức trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường, mở cửa hội nhập, và xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Một số hội đang bị hình thức hóa, hành chính hóa, nhà nước hóa; khả năng tự quản, tự chủ, tự chịu trách nhiệm còn thấp. Nhiều hội, nhất là các hiệp hội ngành hàng nông sản vẫn phụ thuộc nhiều vào bộ chủ quản trong tổ chức và hoạt động của mình, chủ yếu làm nhiệm vụ tham vấn cho bộ chủ quản hơn là thực hiện tư vấn, trợ giúp, quan tâm đến

quyền lợi của hội viên. Có những hội trong một thời gian dài không có hoạt động gì đáng kể, thậm chí ngay cả sinh hoạt ban chấp hành hội cũng không được thường xuyên như điều lệ.

Ba là: Khó khăn trong vấn đề nhân sự khó thu hút cán bộ nhân viên giỏi, trẻ vì công tác ở cơ quan hội thì ít có cơ hội thăng tiến nghề nghiệp. Hầu hết cán bộ lãnh đạo hội là những cán bộ về hưu, phần lớn cán bộ điều hành hiệp hội là kiêm nhiệm, thiếu cán bộ chuyên trách. Nhiều cán bộ hội không coi công tác hội là một nghề do đó tính chuyên nghiệp trong công tác chưa cao. Việc tổ chức bỏ phiếu bầu lãnh đạo các hội chỉ mang tính hình thức, chưa phát huy cao độ tính dân chủ và do đó chưa lựa chọn được người có thực tâm, thực tài làm công tác hội để có tiếng nói độc lập và mạnh mẽ. Theo một kết quả điều tra trong các hiệp hội ngành hàng nông sản năm 2008, có đến 49,2% ý kiến cho rằng năng lực của ban lãnh đạo hiệp hội còn hạn chế (Nguyễn Đình Long, 2008).

Bốn là: Nguồn kinh phí hoạt động rất khó khăn và không ổn định. Theo kết quả điều tra các hiệp hội doanh nghiệp trên địa bàn toàn quốc của VCCI năm 2003 có đến 61% nguồn kinh phí của hiệp hội là từ huy động nội lực qua hội phí và dịch vụ của hiệp hội. Trong đó các phí thu được từ hoạt động dịch vụ cũng rất hạn chế do hoạt động đơn giản, nghèo nàn. Các nguồn tài trợ từ Nhà nước, các nhà hảo tâm và từ nước ngoài rất hạn chế.

Năm là: Công tác quản lý nhà nước đối với các hội đã có những tiến bộ nhất định nhưng vẫn còn nhiều khiếm khuyết bất cập. Hệ thống văn bản qui phạm pháp luật về hội còn thiếu về số lượng. Các quy định của pháp luật về tổ chức và hoạt động và các điều kiện bảo đảm để tổ chức xã hội- nghề nghiệp tham gia xây dựng văn bản qui phạm pháp luật, phản biện, giám sát còn chưa đồng bộ, chưa được quy định cụ thể, vì vậy việc tổ chức lấy ý kiến tham gia còn rất hình thức, một chiều, mang nặng tính chất tuyên truyền, làm cho đủ thủ tục. Các cơ quan nhà nước vừa có tình trạng chưa quan tâm đến hoạt động của hội lại vừa can thiệp quá sâu vào công tác hội nhất là trên lĩnh vực nhân sự. Chính sách khuyến khích, hỗ trợ hội tham gia vào công tác xã hội còn thiếu đồng bộ, việc phối hợp phân công, phân cấp quản lý hội chưa được xác định rõ. Theo một kết quả điều tra có đến 14,8% ý kiến hiệp hội cho rằng trong quan hệ với Nhà nước còn nhiều phiền hà vướng mắc, 31% ý kiến cho rằng quyền tự do của hội là yếu (Nguyễn Đình Long, 2008).

Tóm lại, vấn đề mang tính chất bao trùm, là nguyên nhân của mọi nguyên nhân của những hạn

chế tồn tại trong việc phát huy vai trò của các tổ chức xã hội- nghề nghiệp xét đến cùng là vấn đề ý thức và cơ chế để phát huy dân chủ trong quan hệ giữa các hội với Đảng và Nhà nước.

3. Một số giải pháp để tiếp tục phát huy vai trò của các tổ chức xã hội- nghề nghiệp trong phát triển kinh tế

Quá trình phát triển kinh tế thị trường, phân công lao động xã hội càng sâu rộng với quá trình phát huy dân chủ, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa làm cho việc phát triển tổ chức và phát huy vai trò của các tổ chức xã hội- nghề nghiệp đối với sự phát triển kinh tế đất nước trở thành một tất yếu khách quan. Tuy nhiên, để tất yếu khách quan đó trở thành hiện thực cần thực hiện đồng bộ một số giải pháp cơ bản như sau:

Một là: Đổi mới mạnh mẽ hơn nữa nhận thức về bản chất, vị trí, vai trò của tổ chức xã hội- nghề nghiệp mà vấn đề chủ yếu là nâng cao hơn nữa tính phi chính phủ, tính độc lập, tính dân chủ, tính lợi ích của tổ chức xã hội- nghề nghiệp trong khuôn khổ thể chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”. Tổ chức xã hội- nghề nghiệp không đơn giản chỉ là “một cánh tay nối dài của Nhà nước” là “một công cụ tuyên truyền vận động thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước” mà còn là phương thức thực hiện quyền dân chủ và lợi ích của người lao động, là một thể chế kinh tế- xã hội có vai trò vị trí riêng trong việc cung cấp hàng hóa dịch vụ và điều tiết hành vi của tổ chức và cá nhân trong xã hội cùng với thị trường và Nhà nước.

Hai là: Đổi mới hơn nữa nội dung và phương thức hoạt động của các tổ chức xã hội- nghề nghiệp trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường, mở cửa hội nhập. Chống khuynh hướng hình thức hóa, hành chính hóa, nhà nước hóa, nâng cao khả năng tự quản, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức và hoạt động của mình, thực hiện tốt hơn bốn chức năng cơ bản: *Câu nói-dịch vụ-liên kết và đối ngoại* để phát huy tốt hơn vai trò đối với sự nghiệp phát triển kinh tế-xã hội đất nước.

Ba là: Dân chủ hóa đi đôi với duy trì kỷ luật kỷ cương trong mô hình tổ chức, nhân sự của các tổ chức xã hội- nghề nghiệp. Đảng, Nhà nước nhất là các cơ quan bộ, ngành cần để các hội viên thật sự bầu chọn người lãnh đạo của mình một cách dân chủ nhằm tìm ra được những hội viên thật sự có tâm, có tài làm công tác hội. Hội cần có chính sách thu hút cán bộ trẻ, bổ trí cán bộ chuyên trách làm công tác hội. Mặt khác, hội cần có chế độ quản lý hội viên chặt chẽ, có chế tài đối với hội viên vi phạm điều lệ hội, không chấp hành các chủ trương của hội, khác

phục tình trạng lỏng lẻo kỷ cương trong sinh hoạt và hoạt động của các hội.

Bốn là: Hoàn thiện công tác quản lý nhà nước đối với các tổ chức xã hội- nghề nghiệp. Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về hội, ban hành luật về hội. Ban hành các quy định của pháp luật về cơ chế và các điều kiện bảo đảm để tổ chức xã hội - nghề nghiệp tham gia xây dựng, phản biện và giám sát thi hành các văn bản quy phạm pháp luật. Có qui định việc phối hợp phân công, phân cấp quản lý hội

một cách rõ ràng và nhất quán. Có các chính sách về tài chính hỗ trợ, khuyến khích hội tham gia vào công tác xã hội, thực hiện xã hội hoá, giao cho tổ chức và cá nhân làm tư vấn một số công việc, hoạt động mà cơ quan nhà nước, công chức nhà nước không nhất thiết phải làm, nhất là những công việc liên quan đến nghiên cứu, hoạch định, đánh giá chính sách pháp luật để tạo “sân chơi” thoáng rộng cho các tổ chức xã hội - nghề nghiệp phát huy vai trò, tiềm năng của mình. □

Tài liệu tham khảo

- Chính phủ (2010), Nghị định số 45/2010/NĐ-CP quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội, ban hành ngày 21 tháng 4 năm 2010.
- Nguyễn Đình Long (2008), *Thực trạng và giải pháp về tổ chức và hoạt động của các hiệp hội ngành hàng nông sản xuất khẩu Việt Nam*, Viện chính sách và chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn, Hà Nội.
- Nguyễn Phước Thọ (2008), *Vai trò tham gia xây dựng pháp luật của các tổ chức xã hội nghề nghiệp*, <http://xay-dungphapluat.chinhphu.vn/portal/page/portal/xaydungphapluat/tinchih>
- Trần Văn Tá (2013), *Vai trò của hội nghề nghiệp trong lĩnh vực kế toán-kiểm toán*, http://vacpa.org.vn/index.php?o=modules&n=forum&f=forum_detail&idforum
- Vusta (2013), *Hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội*, <http://www.vusta.vn/home3/news/?48204/Hoat-dong-tu-van,-phan-bien-va-giam-dinh-xa-hoi.htm>

The role of social-professional organizations to the economic development after 30 years of renovation in Vietnam

Abstract:

Since The Communist Party of Vietnam has formulated and implemented the new policy of renovation of political system, social- professional organizations in the country have been growing strongly both in number and scale. The organizations have participated more actively and effectively in the economic development process with 4 functions: Bridging, servicing, linkage and foreign affairs. However, the problem is that it is necessary to properly promote democracy to overcome formalism and administrative tendency in organizations and operations. This study presents the role of social-professional organizations in Vietnam to the economic development after 30 years of renovation and proposes some key solutions.

Thông tin tác giả:

* **Hồ Quế Hậu**, Tiến sĩ

- Tổ chức tác giả công tác: UBND Tỉnh Đồng Nai.

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Kinh tế nông nghiệp, thể chế kinh tế, phương pháp nghiên cứu khoa học.

- Một số tạp chí đã đăng công trình nghiên cứu: Tạp chí công nghiệp, Tạp chí Kinh tế và phát triển.

- Địa chỉ liên hệ: Địa chỉ email: hoquehau57@yahoo.com.vn